

NGHỊ QUYẾT

Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Nghị quyết Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 116/BC-KTNS ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

a) Trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình

chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

b) Mức chi hoạt động của Hội đồng đánh giá hồ sơ, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, Tổ thẩm định hồ sơ, Tổ thẩm định kinh phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, nhóm cá nhân (gọi tắt là cá nhân), tổ chức, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian) để hoàn thiện ý tưởng; hoàn thiện và phát triển sản phẩm hoặc mở rộng thị trường, kết nối nhà đầu tư. Các dự án ở giai đoạn này có thể hình thành hoặc chưa hình thành doanh nghiệp.

a) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp;

b) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác;

c) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

2. Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp là dự án đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường. Ở giai đoạn này, dự án đã hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Phương thức hỗ trợ trước: là phương thức hỗ trợ trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở xem xét thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.

4. Phương thức hỗ trợ sau: là phương thức hỗ trợ sau khi dự án được thực hiện trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phát triển phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết được hỗ trợ thông qua các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian).

3. Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) được hỗ trợ trực tiếp từ Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Nhà nước không hỗ trợ phát triển những dự án thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh.

5. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo thì tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được chọn chính sách có mức hỗ trợ cao nhất, thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

6. Thời gian hỗ trợ nhiệm vụ theo phương thức hỗ trợ trước không quá 12 tháng/nhiệm vụ.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề nghị hỗ trợ của dự án.

2. Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 5 và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động.

3. Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4. Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp và có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn đề nghị hỗ trợ phát triển dự án theo phương thức hỗ trợ sau thì hồ sơ chứng từ có liên quan của dự án phải trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết số 136/2024/QH15 và trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;

b) Hỗ trợ chi phí cho tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Mức hỗ trợ

a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 10 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án.

b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 40 triệu đồng/dự án.

c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 30 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 50 triệu đồng/dự án.

Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo.

b) Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, chi phí thuê mặt bằng, thuê nhà xưởng; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo tối đa 600 triệu đồng/dự án.

Định mức lập dự toán tiền công lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 mục II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy định hiện hành về định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước khác có liên quan.

b) Mức hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo:

Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia trong nước: Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/chuyên gia. Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/chuyên gia.

Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia quốc tế: Doanh nghiệp căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia làm cơ sở phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

c) Mức hỗ trợ chi phí dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tối đa 400 triệu đồng/dự án, trong đó:

Hỗ trợ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được thuê từ nhà cung cấp trong nước hoặc nhà cung cấp nước ngoài (trường hợp thuê nhà cung cấp nước ngoài, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế phát sinh theo quy định của pháp luật Việt Nam: Hỗ trợ tối đa 150 triệu/dự án.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: Hỗ trợ 35 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế/giải pháp hữu ích/giống cây trồng mới trong nước; Hỗ trợ 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước; Hỗ trợ 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.

d) Mức hỗ trợ chi phí cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, chi phí thuê mặt bằng, thuê nhà xưởng

Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí thuê mặt bằng, thuê nhà xưởng: Mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.

Hỗ trợ chi phí thuê không gian số; chi phí sử dụng nền tảng điện toán đám mây; chi phí sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo; dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

đ) Hỗ trợ chi phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ để phát triển dự án cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa 2 tỷ đồng/dự án.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÉT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Điều 8. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ đối với các nội dung quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị quyết.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước

1. Trình tự thực hiện

a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này đăng ký tham gia các chương trình tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian. Tổ chức trung gian tổ chức tuyển chọn các dự án khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc.

Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo về Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ và tổ chức họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.



Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, trong 10 (mười) ngày, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức trung gian/doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung đề xuất và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 15 (mười lăm) ngày.

Trường hợp Hội đồng không thống nhất đề nghị hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp.

c) **Thẩm định kinh phí đề nghị hỗ trợ**

Trong thời hạn 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ khi nhận được thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng đánh giá hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí và tổ chức thẩm định kinh phí hỗ trợ.

d) **Phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ (theo Mẫu 03.QĐPD tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này) và ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện.

2. **Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

3. **Thành phần hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01.ĐNN tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản chính thuyết minh nhiệm vụ (theo Mẫu 02.TMNV tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ. Đối với trường hợp là doanh nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ khai thác thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã có trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, chính xác thì Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu tổ chức/doanh nghiệp cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để giải quyết.

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

4. **Cách thức thực hiện**

a) **Nộp hồ sơ**

Tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường;

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng;

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Trả kết quả

Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Thời hạn giải quyết: 60 (sáu mươi) ngày.

6. Cơ quan giải quyết

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

1. Trình tự thực hiện

a) Tiếp nhận hồ sơ:

Trước thời điểm kết thúc hợp đồng, tổ chức, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị dừng triển khai nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ

Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng và tổ chức họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện.

Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến góp ý của Hội đồng (nếu có).

Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành hoặc dừng thực hiện.

c) Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (theo Mẫu 07.QĐCN tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước và tiến hành thu hồi kinh phí hỗ trợ, cụ thể như sau:

Đối với kinh phí của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng: Tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí.

Đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng: Tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ số kinh phí của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc các nguyên nhân khách quan liên quan đến công nghệ, thị trường và các trường hợp khách quan khác theo ý kiến của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ): Không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: Nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.

d) Thanh lý hợp đồng

Căn cứ biên bản đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng, Quyết định công nhận kết quả triển khai nhiệm vụ/Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Bản chính văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu/dừng thực hiện nhiệm vụ (theo Mẫu 04.ĐNNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản chính báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 05.BCKQ-HHT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

c) Bản chính báo cáo quyết toán tình hình sử dụng kinh phí (Mẫu 05a. BCQT-HHT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

d) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đã ký kết (nếu có).

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức trung gian/doanh nghiệp nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường;

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng;

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Trả kết quả

Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Thời hạn giải quyết: 21 (hai mươi một) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản thông báo kết quả triển khai nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ: Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ

Trong 10 (mười) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 05 (năm) ngày, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 (mười) ngày.

d) Đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày doanh nghiệp bổ sung hoàn thiện hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng và tổ chức họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

đ) Phê duyệt kết quả hỗ trợ

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu 08.HTKP tại

Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này) hoặc văn bản thông báo kết quả cho đơn vị đề nghị.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề nghị hỗ trợ theo nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này hoặc tổng hợp nhiều nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này, thành phần hồ sơ bao gồm:

Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II);

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở Khoa học và Công nghệ khai thác thông tin đã có trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, chính xác thì Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu tổ chức/doanh nghiệp cung cấp thành phần hồ sơ để giải quyết.

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động;

Bản chính báo cáo kết quả phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo (theo Mẫu 06.BCKQ-HTS tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề nghị hỗ trợ một phần nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này, thành phần hồ sơ bao gồm:

Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II);

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở Khoa học và Công nghệ khai thác thông tin đã có trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, chính xác thì Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu tổ chức/doanh nghiệp cung cấp thành phần hồ sơ để giải quyết;

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động;

Tài liệu minh chứng gồm một các trong các hồ sơ sau:

Bản chính báo cáo kết quả hoạt động thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;

Bản chính báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại tiết đầu tiên điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;



Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại tiết thứ hai điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian sử dụng dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê mặt bằng, thuê nhà xưởng phục vụ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này; Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian sử dụng mặt bằng, nhà xưởng đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;

Bản chính báo cáo kết quả triển khai hoạt động sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ đối với nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Đơn vị đề nghị nhiệm vụ nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường;

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng;

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Trả kết quả

Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Thời hạn giải quyết: 42 (bốn mươi hai) ngày.

6. Cơ quan giải quyết

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Điều 12. Mức chi Hội đồng đánh giá hồ sơ, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, Tổ thẩm định hồ sơ, Tổ thẩm định kinh phí

1. Mức chi cho Hội đồng đánh giá hồ sơ, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu (sau đây gọi tắt là Hội đồng)

a) Chi họp Hội đồng:

Chủ tịch Hội đồng: 900.000 đồng/người;

Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên (ủy viên) Hội đồng: 700.000 đồng/người;

Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người;

Đại biểu: 200.000 đồng/người.

b) Chi nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng: 300.000 đồng/Phiếu nhận xét đánh giá.

2. Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo phương thức hỗ trợ sau, Tổ thẩm định kinh phí (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định)

a) Tổ trưởng: 1.000.000 đồng/người;

b) Thành viên: 700.000 đồng/người;

c) Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người;

d) Đại biểu: 200.000 đồng/người.

3. Nguồn kinh phí thực hiện được cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chỉ cho các hoạt động hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và chi cho công tác tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phù hợp với chủ trương, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố;

b) Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm

soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các cơ sở hỗ trợ khởi nghiệp nhằm bảo đảm chính sách được tiếp cận rộng rãi, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả thực tiễn, góp phần thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố phát triển bền vững.

- Khẩn trương ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn triển khai, biểu mẫu, nhằm bảo đảm việc tiếp nhận, thẩm định, xét duyệt, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch và đúng quy định. Việc triển khai phải bám sát các trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết đã được quy định trong Nghị quyết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hậu kiểm trong toàn bộ quá trình thực hiện chính sách; đặc biệt chú trọng tính trung thực, minh bạch của hồ sơ, kết quả triển khai nhiệm vụ, hiệu quả sử dụng kinh phí hỗ trợ và trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

- Tổ chức các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, Tổ thẩm định bảo đảm đúng thành phần, tiêu chuẩn chuyên môn, khách quan, độc lập và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách phải căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố, bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ.

- Thường xuyên rà soát các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, kết quả thực hiện; kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý để bảo đảm tính khả thi của chính sách và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Định kỳ hàng năm, tổng hợp và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Tổng hợp báo cáo chung các lĩnh vực khoa học và công nghệ) để Hội đồng nhân dân thành phố giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trung gian chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các thông tin trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo. Trường hợp có hành vi giả mạo trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ thì cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trung gian phải hoàn trả 100% kinh phí đã nhận hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ đã nộp hồ sơ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã, đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố.
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng